

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2021.
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Định** và ông **Ayun**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hà Thị T** - sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn Châu Khê, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Vũ T** - Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn Châu Khê, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020, tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị T yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Vũ T sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh G vào ngày 21 tháng 12 năm 2011, việc kết hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn ông bà đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn bà T và ông T chung sống với nhau nhưng chỉ có được hạnh phúc trong thời gian ngắn, rồi sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Ông T không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không chịu lo làm ăn. Từ đầu năm 2020 đến nay bà và ông T không còn sống chung với nhau.

Nay bà T xác định mình không còn tình cảm gì với ông T nữa, cuộc sống chung của vợ chồng cũng không còn có hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Vũ T.

Về con chung: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Vũ T có 02 con chung là Nguyễn Hà Cát T – sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Cát U – sinh ngày 17/10/2015. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con Nguyễn Hà Cát T, Nguyễn Cát U và không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị T đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Vũ T – Hà Thị T do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh G cấp số 50, ngày 21 tháng 12 năm 2011; Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Hà Cát T – sinh ngày 01 tháng 11 năm 2012 và Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Cát U – sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ T: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống bà T và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống cũng không có hạnh phúc và từ lâu nay bà T và ông T cũng không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của hai vợ chồng bà T và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T. Về con chung: Bà T và ông T có hai con chung là Nguyễn Hà Cát T, Nguyễn Cát U, bà T có nguyện vọng được nuôi cả hai con, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bà T và bà T cũng có đủ thu nhập để nuôi cả hai con. Vì vậy đề nghị giao cả hai con chung cho bà Hà Thị T nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 16/12/2020; tham gia phiên hòa giải vào các ngày 16/12/2020 và ngày 04/01/2021; tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm vào các ngày 01/02/2021 và ngày 22/02/2021 nhưng ông Nguyễn Vũ T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Vũ T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh G vào ngày 21 tháng 12 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng bà T và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Ông T không quan tâm đến cuộc sống của vợ con nên từ lâu bà T và ông T không còn chung sống với nhau, mặc dù được gia đình hai bên tổ chức hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của ông bà vẫn không được cải thiện. Mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã được thôn trưởng thôn Châu Khê, xã Đ xác nhận ngày 13/11/2020. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T như vậy là đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà Cát T – sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Cát U – sinh ngày 17/10/2015, Bà T đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con cho bà T được trực tiếp nuôi con, cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Xét thấy từ trước đến nay hai cháu Cát T và Cát U sống cùng với bà T và bà T cũng có đủ thu nhập để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai con, do vậy cần giao hai con Nguyễn Hà Cát T và Nguyễn Cát U cho bà T là phù hợp. Do bà T không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà Hà Thị T xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Hà Thị T là nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hà Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Vũ T (Giấy chứng nhận kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh G cấp số 50 ngày 21 tháng 12 năm 2011).

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hà Cát T – sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Cát U – sinh ngày 17/10/2015 cho bà Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Vũ T phải đóng góp nuôi con chung.

Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008544 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh G. Bà Hà Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/02/2021), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện M;
- UBND xã Đak Yă, huyện M, tỉnh G.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Thanh
(đã ký)